TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/KDTM-ST
Ngày: 06-09-2017
"V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cải
2. Bà Trịnh Thị Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Kim Huế - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST- KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Cát Linh, quận Đ, thành phố H.

1.1 *Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Q*: Ông Lê Hữu Đ

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q

1.2 *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Phạm Thị Trung H

Chức vụ: Phó tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q (Văn bản ủy quyền số 437/UQ-HĐQT ngày 02-6-2015 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Q).

1.3 *Người đại diện theo ủy quyền lại*:

1.3.1 Ông Vũ Thành T

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Nam Định.

1.3.2 Ông Đặng Bá C

Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Nam Định.

Địa chỉ: Số 69 đường Lê Hồng Phong, phường N, thành phố N, tỉnh N.

(Văn bản ủy quyền số 465/UQ-HS ngày 22-02-2017 của Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Quỳnh N, sinh năm 1973

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 361 Hoàng Văn Thụ, phường B, thành phố N, tỉnh N.

Nơi cư trú: Số 7 ngõ 7 khu quân nhân A (17D khu Quân Nhân), phường C, thành phố N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt ông Đặng Bá C. Chị Trần Thị Quỳnh N vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20-3-2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày:

Ngày 04-12-2014, tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (gọi là Ngân hàng) và chị Trần Thị Quỳnh N ký hợp đồng tín dụng số 05.14.775.2218040.TD (Hợp đồng tín dụng được ký kết tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q – Chi nhánh Nam Định) vay số tiền 390.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi triệu đồng)* để bổ sung vốn lưu động trả góp phục vụ hoạt động sản xuất may gia công của chị N. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân theo khế ước nhận nợ (Kể từ ngày 04-12-2014 đến ngày 04-12-2018). Phương thức thanh toán nợ gốc và nợ lãi định kỳ (01 tháng/kỳ) vào ngày 25 hàng tháng của tháng dương lịch và hoặc vào ngày tất toán của khoản vay, mỗi kỳ trả gốc là 8.125.000 đồng, kỳ thu gốc đầu tiên là ngày 25-12-2014. Lãi cho vay từ ngày 04-12-2014 đến ngày 03-12-2015 lãi suất cho vay cố định là 8%/năm, từ ngày 04-12-2015 lãi suất áp dụng cho vay = lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 24 tháng loại trả lãi sau của Ngân hàng + Biên độ 3,5%/năm lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, ngày 04-12-2014 Ngân hàng đã giải ngân cho chị N số tiền 390.000.000 đồng *(Ba trăm chín mươi triệu đồng chẵn)* theo khế ước nhận nợ số: LD1433890381 ngày 04-12-2014.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay của chị N, ngày 04-12-2014 MB và chị N đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08.14.775.2218040.BĐ, chị N thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất 46,5 m^2 của thửa đất số 48, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất 17D, Khu Quân nhân, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 1,5 tầng có diện tích xây dựng 46 m^2 diện tích sàn 65m^2 kết cấu bê tông

– đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 097016 do UBND thành phố Nam Định cấp ngày 18-10-2013 cho chị Trần Thị Quỳnh N. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Nam Định số công chứng: 2633, quyển số 13TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04-12-2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất – thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định ngày 04-12-2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 25-01-2016 chị N đã trả được 14 tháng (14 kỳ) tiền gốc là 113.750.000 đồng và tiền lãi là 30.507.868 đồng. Kể từ ngày 26-01-2016 cho đến ngày 06-9-2017 chị N không tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng và đã quá hạn trả dư nợ gốc là 154.375.000 đồng và toàn bộ tiền lãi đã chuyển sang lãi quá hạn. Do chị N không thanh toán tiếp bất kỳ một khoản tiền gốc và lãi nào theo thỏa thuận, nên Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu chị N phải tiếp tục trả nợ gốc là lãi theo thỏa thuận, nhưng chị N không hợp tác. Ngày 25-02-2016 Ngân hàng gửi Thông báo nợ quá hạn cho chị N yêu cầu trả nợ nhưng chị N vẫn không trả. Ngày 28-03-2016, Ngân hàng có thông báo yêu cầu chị N bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng để xử lý thu hồi nợ nhưng vẫn không hợp tác bàn giao tài sản. Như vậy, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi không đúng hạn nên Ngân hàng chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với chị N.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc chị N trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 276.250.000 đồng, tiền nợ lãi đến ngày 06-9-2017 gồm lãi quá hạn là 35.406.438 đồng và tiền lãi phạt là 22.000.906 đồng. Tổng cộng là 333.657.344 đồng.

Về xử lý tài sản thế chấp Ngân hàng yêu cầu: Trong trường hợp chị N không trả được nợ gốc và lãi thì Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích là 46,5m^2 tại số thửa 48, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất 17D - Khu Quân Nhân, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 18-10-2013 cho chị Trần Thị Quỳnh N, và tài sản trên đất gồm có: 01 lán có diện tích 11m^2 tường xây gạch mái lợp Proximăng; tường bao giáp ngõ đi dài 2m cao 2m xây gạch và 01 cây lộc vừng đường kính gốc 20cm để thu hồi nợ.

Đối với tài sản thế chấp là 01 ngôi nhà 1,5 tầng có diện tích xây dựng 46m^2 diện tích sàn 65m^2 kết cấu bê tông được mô tả trong Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và chị N đã ký, nhưng thực tế không có và chưa được xây dựng. Do

vậy, Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết, và không yêu cầu phát mại đối với tài sản này.

- Bị đơn là chị Trần Thị Quỳnh N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập chị N đến Tòa án làm việc, nhưng chị N vẫn vắng mặt. Do đó, chị N không có quan điểm của mình đối với vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định trình bày quan điểm và đề nghị HĐXX như sau:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48 và Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự, và Tòa án nhân dân thành phố Nam Định thụ lý vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q đối với chị Trần Thị Quỳnh N. Buộc chị N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền số tiền nợ gốc là 276.250.000 đồng, và tiền nợ lãi đến ngày 06-9-2017 gồm lãi quá hạn là 35.406.438 đồng và tiền lãi phạt là 22.000.906 đồng. Tổng cộng là 333.657.344 đồng.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp chị N không trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản là quyền sử dụng đất mang tên chị Trần Thị Quỳnh N và tài sản gắn liền với đất để thực hiện việc thu hồi nợ.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn là chị Trần Thị Quỳnh N phải nộp theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Q và chị Trần Thị Quỳnh N có ký hợp đồng tín dụng, theo đó chị N vay với mục đích kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng chị N đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu chị N thanh toán. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo sự thỏa thuận tại Điều 12 trong hợp đồng tín dụng giữa các bên: Nếu xảy ra tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân nơi có trụ sở chi nhánh của bên cho vay có thẩm quyền giải quyết tranh chấp, mặt khác vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

1.3 Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn là chị Trần Thị Quỳnh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1 Về hình thức của hợp đồng tín dụng:

Xét thấy khi ký kết hợp đồng tín dụng các bên đã lập thành văn bản có chữ ký của Đại diện Ngân hàng và của chị N, vì vậy về hình thức đã tuân thủ pháp luật.

2.2. Về nội dung:

Về nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ bên cho vay, bên vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả nợ đảm bảo đúng qui định tại Điều 402 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng:

Theo hợp đồng tín dụng chị Trần Thị Quỳnh N đã được giải ngân vay số tiền 390.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 25-01-2016 chị N đã trả được 14 tháng (14 kỳ) tiền nợ gốc là 113.750.000 đồng và tiền lãi là 30.507.868 đồng và kể từ ngày 26-01-2016 cho đến nay chị N không tiếp tục trả và còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 276.250.000 đồng, tiền nợ lãi đến ngày 06-9-2017 gồm lãi quá hạn là 35.406.438 đồng và tiền lãi phạt là 22.000.906 đồng. Tổng cộng là 333.657.344 đồng.

Như vậy, chị N đã vi phạm phương thức thanh toán nợ gốc và nợ lãi định kỳ (01tháng/kỳ) vào ngày 25 hàng tháng của tháng dương lịch và hoặc vào ngày tất toán của khoản vay, mỗi kỳ trả gốc là 8.125.000 đồng và không được Ngân hàng chấp thuận cho chị N nợ. Như vậy, kể từ ngày 26-01-2016 đến ngày 06-9-2017 thì chị N không thanh toán cho Ngân hàng dư nợ gốc quá hạn là 154.375.000 đồng và tiền nợ lãi suất.

Căn cứ vào Điều 5, điểm g Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 05.14.775.2218040.TD ngày 04-12-2014, chị N không hoàn trả đủ nợ gốc, lãi vay theo đúng kỳ hạn đã cam kết, và đã không được Ngân hàng chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn nợ/gia hạn nợ bằng văn bản, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi không đúng hạn nên Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với chị N. Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu chấm dứt việc cho vay và thu hồi nợ trước hạn, và buộc chị N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là 276.250.000 đồng, tiền nợ lãi đến ngày 06-9-2017 gồm lãi quá hạn là

35.406.438 đồng và tiền lãi phạt là 22.000.906 đồng. Tổng cộng là 333.657.344 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về xử lý tài sản thế chấp:

Ngày 04-12-2014 giữa Ngân hàng và chị N đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08.14.775.2218040.BĐ, chị N thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất 46,5 m^2 của thửa đất số 48, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất 17D, Khu Quân nhân, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 1,5 tầng có diện tích xây dựng 46 m^2 diện tích sàn 65m^2 kết cấu bê tông – đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 097016 do UBND Thành phố Nam Định cấp ngày 18-10-2013 cho chị Trần Thị Quỳnh N. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Nam Định số công chứng: 2633, quyển số 13TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04-12-2014 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký và thông tin nhà đất – thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định ngày 04-12-2014. Do đó, căn cứ Điều 318, Điều 323, Điều 342, Điều 343 BLDS hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có giá trị bắt buộc thực hiện giữa các bên.

Ngày 23-6-2017 Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản của chị N đã thế chấp cho Ngân hàng, thì tài sản có: Về diện tích đất thửa số 48, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất 17D khu Quân Nhân, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định có tổng diện tích là 46,5m^2 đã được UBND thành phố Nam Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 18-10-2013 cho chị Trần Thị Quỳnh N. Về tài sản trên đất gồm có: 01 lán có diện tích 11m^2, tường xây gạch mái lợp proximang; tường bao giáp ngõ đi dài 2m, cao 2m xây gạch và 01 cây lộc vừng đường kính gốc 20cm. Các tài sản trên do chị N quản lý và sử dụng.

Căn cứ vào Điều 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và điểm 1.2.3 Điều 1 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08.14.775.2218040.BĐ ngày 04-12-2014 được ký kết giữa Ngân hàng và chị N thì các tài sản, công trình xây dựng đã và sẽ xây dựng trong tương lai gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp. Do vậy, yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng được chấp nhận.

Đối với tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà 1,5 tầng có diện tích xây dựng 46 m^2 diện tích sàn 65m^2 kết cấu bê tông đã được thể hiện trong hợp đồng thế chấp. Khi tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23-6-2017 thì tài sản này không có và chưa được xây dựng và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng rút yêu cầu không đề nghị phát mại. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp được hoàn trả.

Chị Trần Thị Quỳnh N phải chịu án phí tương ứng với số tiền phải trả là 333.657.344 đồng x 5% = 16.682.867 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 318, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 389, Điều 401, Điều 402 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

- Buộc chị Trần Thị Quỳnh N phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền nợ gốc là 276.250.000 đồng, và tiền nợ lãi đến ngày 06-9-2017 gồm lãi quá hạn là 35.406.438 đồng, tiền lãi phạt là 22.000.906 đồng. Tổng cộng là 333.657.344 đồng *(ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm năm mươi bẩy nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị Trần Thị Quỳnh N còn phải chịu khoản tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VNĐ kỳ hạn 24 tháng loại trả lãi sau của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ lãi suất 3,5%/năm cho đến khi thanh toán xong.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp chị Trần Thị Quỳnh N không thanh toán được khoản nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án Dân sự phát mại tài sản là quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 46,5m^2 tại thửa số 48, tờ bản đồ số 16, địa chỉ thửa đất 17D - Khu Quân Nhân, phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Nam Định cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ngày 18-10-2013 cho chị Trần Thị Quỳnh N, và tài sản trên đất gồm có: 01 lán có diện tích 11m^2 tường xây gạch mái lợp proximang; tường bao giáp ngõ đi dài 2m, cao 2m và 01 cây lộc vừng đường kính gốc 20cm để thu hồi nợ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Quỳnh N phải nộp án phí là 16.682.867 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.000.000 đồng tại biên lai số 03502 ngày 19-4-2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị Quỳnh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường C
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Bang